

Bản án số: 05/2025/HNGĐ - ST

Ngày 25/7/2025.

(V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu, ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thúy Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị Phương T, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình).

Địa chỉ liên hệ hiện nay: thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình).

- Bị đơn: anh Đinh Công T1, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình).

Chị T và anh T1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Phương T trình bày: tôi và anh Đinh Công T1 sau một thời gian tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, đã tiến hành kết hôn với nhau

vào ngày 20/11/2018 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND xã G, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình(nay là thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình). Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau và do anh T1 có quan hệ trai gái không lành mạnh (tôi không còn giữ bằng chứng) nhưng vì con tôi đã tha thứ. Tuy nhiên anh T1 không sửa chữa, đầu năm 2025 lại tiếp tục có nhắn tin, hẹn hò không chuẩn mực với cô gái khác (tôi không có bằng chứng cụ thể) nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục. Do mâu thuẫn nặng nên đến khoảng ngày 22/02/2025 tôi đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống, cũng từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi kiên quyết xin được ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống. Về con chung: chị T trình bày: vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2020, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu ở với tôi, được tôi cho đi học hành tử tế tại trường Mầm non xã G và tôi chăm sóc con rất tốt. Khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Đinh Thị Thu P và không yêu cầu anh T1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tôi làm lao động tự do có thu nhập hàng tháng là khoảng trên 15.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản và công nợ chung chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2025, quá trình giải quyết vụ án, anh T1 trình bày: tôi và chị Đinh Thị Phương T sau thời gian yêu nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại thôn M, xã G, huyện N như chị T trình bày là đúng. Thời gian sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do áp lực về kinh tế lẫn tinh thần và do chị T nghi ngờ tôi có quan hệ ngoại tình (thực tế tôi chỉ nhắn tin với bạn gái bình thường) nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí xô xát. Vì mâu thuẫn trầm trọng nên đến ngày 23 tháng 02 năm 2025 chị T đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống, cũng từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa là đúng. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn tôi, tôi nhất trí vì tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn. Về con chung, anh T1 cũng xác định: vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2020, các thông tin khác liên quan đến con chung đúng như chị T đã trình bày nêu trên. Anh T1 thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung ở với chị T và được chị T cho đi học hành,

chăm sóc tốt, cháu phát triển bình thường. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Thu P vì hiện nay tôi đang làm lái xe tự do có thu nhập khoảng trên 17.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con. Tôi không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung anh T1 cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên ngày 23 tháng 02 năm 2025 chị T đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn M xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình), chị kiên quyết xin ly hôn anh T1, đồng thời chị nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm thuận tình ly hôn. Các vấn đề khác chị T giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung anh T1 vẫn yêu cầu được nuôi con chung và xuất trình thêm tài liệu anh T1 đang làm việc theo hợp đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 có mức lương chính là 4.800.000 đồng/01 tháng chưa kể thưởng, phúc lợi khác nên anh có đủ điều kiện nuôi con. Anh T1 cho rằng nếu giao con cho chị T thì sau này khi chị T đi lấy chồng khác, sẽ không đảm bảo đủ điều kiện nuôi con chung. Nếu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác anh T1 giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: các Điều 5, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của hội đồng thẩm phán TANDTC, đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Phương T: 1) xử cho chị Đinh Thị Phương T được ly hôn với anh Đinh Công T1; 2) về con chung: giao cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2020 cho chị Đinh Thị Phương T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; 3) về án phí: chị Đinh Thị Phương T nhận nộp toàn bộ án phí thuận

tình ly hôn là 150.000 đồng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Ninh Bình). Trả lại cho chị Đinh Thị Phương T 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Đinh Công T1 có địa chỉ tại thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình). Vì vậy việc Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Đinh Thị Phương T và anh Đinh Công T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người sinh sống tại thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình). Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng sáu, bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo sự trình bày của hai bên cũng như qua xác minh tại cơ sở là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và do chị T nghi ngờ lòng chung thủy của anh T1 dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nặng nên đến ngày 23/02/2025 chị T đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn M, xã G, tỉnh Ninh Bình) sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó. Bản thân chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin ly hôn anh T1. Bản thân anh T1 cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng không thể giải quyết và hai người trong quá trình hòa giải cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đinh Thị Phương T và anh Đinh Công T1 đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng ý thuận tình ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Đinh Thị Phương T và anh Đinh Công T1 có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2020, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Đinh Thị Thu P ở với chị Đinh Thị Phương T. Xét cả chị T và anh T1 là những người khỏe mạnh, đều có thể tạo ra thu nhập chính đáng và đều không vi phạm đạo đức, lối sống trong nghĩa vụ làm cha mẹ. Chị T là lao động tự do nên có thu nhập tối thiểu cũng bằng mức thu nhập trung bình tại địa phương là khoảng 200.000đồng/ ngày; còn phía anh T1 thì đang làm việc theo hợp đồng cho Công ty

trách nhiệm hữu hạn T3 có mức lương chính là 4.800.000 đồng/01 tháng chưa kể thưởng, phúc lợi khác nên cả anh T1 và chị T đều có đủ điều kiện nuôi con và điều kiện nuôi con của hai người là tương đương nhau. Tuy nhiên từ khi vợ chồng chị T2 và anh T1 sống ly thân đến nay cháu Đinh Thị Thu P ở với chị T và được chị T chăm sóc con rất tốt, cho cháu đi học hành tử tế tại trường Mầm non xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) và cháu phát triển bình thường. Đồng thời cháu Đinh Thị Thu P còn nhỏ mới hơn 5 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, cũng như tránh sự xáo trộn trong cuộc sống đang ổn định của cháu Đinh Thị Thu P. Việc anh T1 cho rằng nếu giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng thì sau này khi chị T đi lấy chồng khác, sẽ không đảm bảo đủ điều kiện nuôi con chung là đòi hỏi vô lý, vì sau khi ly hôn cả anh T1 và chị T đều có quyền bình đẳng trong việc kết hôn với người khác. Do đó cần giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Thu P là hợp tình, hợp lý. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị T, không có yêu cầu nên không buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị T và anh T1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Đinh Thị Phương T nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm thuận tình ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Phương T và anh Đinh Công T1.

2. Về con chung: giao cháu Đinh Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2020 (hiện tại đang ở cùng với chị Đinh Thị Phương T) cho chị Đinh Thị Phương T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đinh Thị Thu P đủ 18 tuổi. Anh Đinh Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị Phương T.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Đinh Thị Phương T nhận nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị Phương T đã nộp theo biên lai thu số: **BLTU/24/0000985**, ngày **25/02/2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Ninh Bình). Trả lại cho chị Đinh Thị Phương T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Gia Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc